TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP .**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 271/2024/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 22 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 408/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, con chung"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trương Ngọc H, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Số A đường Y, tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Số A đường Y, tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Ngọc H và bà Nguyễn Thị T kết hôn với nhau vào năm 1998 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03/1998 ngày 08/01/1998). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn ông H và bà T về chung sống tại địa chỉ: Số A đường Y, tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2014 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp,vợ chồng không có trách nhiệm với nhau dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mặc dù, cùng chung sống trong một mái nhà nhưng vợ chồng phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, ông Trương Ngọc H và bà Nguyễn Thị T đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn gia đình ông H và bà T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Trương Ngọc H và bà Nguyễn Thị T xác nhận có 02 con chung tên là Trương Nguyễn Đăng K, sinh ngày 27 tháng 09 năm 1994 và Trương

Nguyễn Đăng K1, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1997. Ly hôn, các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về nợ chung: Không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Ngọc H và bà Nguyễn Thị T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Trương Ngọc H và bà Nguyễn Thị T xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Trương Ngọc H và bà Nguyễn Thị T xác nhận không có nợ chung.

2.Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông Trương Ngọc H và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Trương Ngọc H và bà Nguyễn Thị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009281 ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông Trương Ngọc H và bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện KSND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hòa Minh;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thu Trang